

Bản án số: 19/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 29 – 5 – 2019
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung
2. Ông Đinh Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 540/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018; về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Quyết định tạm dừng phiên tòa ngày 13/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1966
Nơi cư trú: Khu phố P, phường M, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt);
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến P, sinh năm 1962
Nơi cư trú: Khu phố P, phường M, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Tiến P có thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Nghĩa Bình (Nay là tỉnh Quảng Ngãi) vào năm 1981.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong khoảng thời gian đầu, về sau này thì cuộc sống vợ chồng không còn suôn sẻ, không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: Tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan

điểm; hay xảy ra cãi vã; bản thân ông P không yêu thương, không quan tâm tới vợ con, không tôn trọng mẹ vợ.

Từ năm 2007 đến nay, vợ chồng bà S sống ly thân; kể từ đây, mỗi người có cuộc sống chi tiêu riêng, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm tới hạnh phúc của nhau nữa.

Nay các con đã trưởng thành, để không bị ràng buộc cuộc sống hôn nhân và nhận thấy cuộc sống chung giữa hai người không thể kéo dài hơn, tình cảm vợ chồng đã hết, nên bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Về hôn nhân: bà S yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tiến P.

Về con chung: Có 04 con chung, tên là: Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1983; Nguyễn Tiến H, sinh năm 1985; Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1989 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1994. Hiện nay các con đã trưởng thành nên bà S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn – ông Nguyễn Tiến P trình bày:

Về quá trình đi tới hôn nhân giữa ông P và bà Nguyễn Thị S đúng như lời trình bày của bà S.

Mâu thuẫn phát sinh khoảng 01 năm trở lại đây, lý do giữa ông P và bà S có những quan điểm sống trái chiều; nên ông P thường xuyên đã lên thành phố Hồ Chí Minh để phụ giúp con, còn bà S thì sống chung với mẹ đẻ của mình.

Nay bà S yêu cầu ly hôn, ông P không đồng ý, vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Về con chung: Có 04 con chung, tên là: Nguyễn Thị Bích , sinh năm 1983; Nguyễn Tiến H, sinh năm 1985; Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1989 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1994. Ông P xác nhận: các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự, cụ thể: thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Qua trình bày của đương sự, cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà S và ông P là có thật, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S vì mục đích hôn nhân giữa bà S và ông P không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn; theo đó, bà S được ly hôn với ông Nguyễn Tiến P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”; bị đơn ông Nguyễn Tiến P có địa chỉ tại thị xã Phú Mỹ; nay có tranh chấp nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn - ông Nguyễn Tiến P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, tuy nhiên ông P vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa mà tiếp tục xét xử theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Tiến P có thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Nghĩa Bình (Nay là tỉnh Quảng Ngãi) vào năm 1981 nên xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà S cương quyết ly hôn, vì cho rằng: Tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm; hay xảy ra cãi vã; bản thân ông P không yêu thương, không quan tâm tới vợ con, không tôn trọng mẹ vợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho ông P tham gia giải quyết vụ án và tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tại buổi hòa giải chính ông P thừa nhận có sự mâu thuẫn vợ chồng; các bên thừa nhận đã có thời gian sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm vợ chồng. Đến nay thì cuộc sống mỗi người tự lo, không phụ thuộc lẫn nhau.

Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: mâu thuẫn vợ chồng bà S, ông P là có thật, phát sinh do mâu thuẫn từ gia đình đã dẫn đến mục đích hôn nhân giữa bà S và ông P không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông P là hoàn toàn có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Bà S, ông P có 04 con chung, tên là: Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1983; Nguyễn Tiến H, sinh năm 1985; Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1989 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1994. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết về quyền trực tiếp nuôi con, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không án xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà S phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc: “Ly hôn”;

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Tiến P;

2.2. Về con chung: Bà S, ông P có 04 con chung, tên là: Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1983; Nguyễn Tiến H, sinh năm 1985; Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1989 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1994. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, bà S và ông P không yêu cầu xem xét, giải quyết về quyền trực tiếp nuôi con, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà S và ông P không yêu cầu xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006727 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ; bà S đã nộp xong.

4. Các đương sự được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp, bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã P, huyện Đ,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ.

Cao Xuân Long